

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-10-2018

V/v “ ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Nhiễu

2. Ông: Phạm Đức Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Minh T**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

3. *Người làm chứng:* Anh **Đặng Duy L**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T có mặt. Anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018, bản tự khai, phiên hòa giải tại Tòa án và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/02/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T không yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Vợ chồng không những không tôn trọng nhau mà luôn có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau. Anh T không hoàn thành nghĩa vụ người cha, thường xuyên uống rượu, lô đề, cờ bạc và không chăm sóc con cái. Trước đó, chị đã gửi đơn đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh T 02 lần, quá trình giải quyết ly hôn chị lại rút đơn để cho anh T có cơ hội sửa chữa, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/08/2018 đến nay. Chị P đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm x, thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định ở và chị xác định nếu anh T có tìm chị về hay xin đoàn tụ thì chị cũng không nhất trí. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đặng Ngọc M, sinh ngày 08/12/2013, hiện cháu M đang ở với chị P. Ly hôn, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi sinh ra, cháu M luôn ở với chị. Hiện tại, mẹ con chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị là gia đình ông Nguyễn Đình T. Bố mẹ chị cũng là người giúp đỡ chị trong việc chăm sóc cháu M. Chị đang làm việc tại công ty TNHH YAZAKI Hải Phòng Việt Nam tại Thái Bình. Thu nhập ổn định là 06 triệu đồng một tháng. Chị đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập và gửi Thông báo Thụ lý vụ án cho anh Đặng Minh T. Anh Thủy đều đã nhận được các văn bản của Tòa án (thể hiện qua chữ ký của anh T vào phần “Người nhận” trên phiếu gửi báo phát) nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 chị P có đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ việc gửi bản sao các tài liệu, chứng cứ mà chị đã giao nộp tại Tòa án cho anh T. Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại gia đình anh T, do anh T đi làm vắng nhà (sáng đi tối về) nên Tòa án không thể giao trực tiếp các văn bản này cho anh T mà lập biên bản và giao cho người thân thích của anh T là anh Đặng Duy L, sinh năm 1986, là anh trai của anh T và sống cùng nhà với anh T. Anh L đã nhận và cam kết giao lại tận tay ngay cho

anh T trước sự chứng kiến của ông Trưởng thôn Ô và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, anh T đến Tòa án viết bản tự khai và ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại buổi hòa giải anh T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị P đúng như chị P đã trình bày. Sau khi kết hôn chung sống được 03 tháng thì vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau. Anh chị đã đi thuê nhà chỗ khác để sống nhưng trong thời gian sống chung vẫn có mâu thuẫn phát sinh. Anh cũng khẳng định vợ chồng đã sống ly thân, chị P đã bế con về nhà bố mẹ đẻ chị P ở tỉnh Nam Định, anh có gọi điện cho chị P gặp con nhưng chị P nhiều lần từ chối không gặp. Anh không muốn ly hôn vì không muốn con gái anh thiếu bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Đặng Ngọc M, sinh ngày 08/12/2013. Tại bản tự khai ngày 27/9/2018 anh T không có ý kiến gì về quan hệ con chung vì anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 28/9/2018 anh T lại thay đổi quan điểm: anh xin nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang làm việc tại Công ty H ở thành phố T, tỉnh Thái Bình có thu nhập hàng tháng.

Về tài sản: Anh có quan điểm thống nhất với quan điểm chị P: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Biên bản xác minh ngày 24/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị P và anh T kết hôn tự nguyện và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 15 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, chửi mắng nhau do anh T uống rượu say sưa, cờ bạc, lơ đãng, không quan tâm chăm sóc con cái. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết quan hệ hôn nhân theo nguyện vọng của chị P và giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Lý do anh T đi làm có thu nhập nhưng mãi chơi, rượu chè, cờ bạc, bỏ mặc con cái nên không thể giao con cho anh T nuôi dưỡng. Hiện tại chị P anh T không vay nợ gì các tổ chức đoàn thể ở xã.

Các văn bản tố tụng Tòa án đã gửi về Ủy ban nhân dân xã để gửi cho anh T thì bưu tá xã đã chuyển cho anh T và anh T đều đã nhận được.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai người làm chứng anh Đặng Duy L (là anh trai của anh T và sống cùng nhà với anh T) trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đúng như chị P và anh T trình bày. Chị P đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện N, Nam Định. Anh T buồn chán nên buông xuôi, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập. Anh T có biết việc chị P làm đơn ra Tòa ly hôn và đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi gồm: Thông báo Thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án và các thông báo của Tòa án, nhưng anh T có quan điểm là không cam thiệp, không đến Tòa án mà để cho chị P tự giải quyết

việc ly hôn. Nay chị P xin ly hôn anh T, gia đình anh không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và quan hệ tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án nhưng sau đó đã có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và có mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51,56,58 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đặng Minh T. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Minh T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Đặng Minh T có nơi cư trú tại: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Anh Đặng Minh T có mặt tại phiên tòa và có lời trình bày; Tuy nhiên anh T vắng mặt khi tuyên án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 267 Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tuyên đọc bản án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Minh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 15/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau và anh T thường xuyên uống rượu, chơi lô đề ít có thời gian quan tâm đến vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Vợ chồng đã ly thân nhau trên thực tế từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Chị P đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nam Định sinh sống chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với anh T. Qua xác minh

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình cũng khẳng định quan hệ vợ chồng chị P anh T có nhiều mâu thuẫn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân. Trước đó, chị P đã 02 lần gửi đơn khởi kiện xin ly hôn anh T đến Tòa án, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đặng Minh T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Minh T có 01 con chung là Đặng Ngọc M, sinh ngày 08/12/2013. Ly hôn, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không đặt ra cấp dưỡng.

Xét điều kiện hiện tại của hai bên thì thấy: Anh T đang làm việc tại Công ty H tại thành phố T, tỉnh Thái Bình có thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh T không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Chị P đang làm việc tại công ty TNHH YAZAKI Hải Phòng Việt Nam tại Thái Bình, có thu nhập ổn định là 06 triệu đồng một tháng (có xác nhận của công ty TNHH YAZAKI Hải Phòng Việt Nam tại Thái Bình). Từ khi sinh cháu M, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M. Quá trình giải quyết vụ án chị P vẫn tha thiết xin được nuôi con và chăm lo, dạy dỗ cho con. Mặt khác, cháu M còn quá nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần căn cứ vào các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Ngọc M là hợp lý và phù hợp với ý kiến đề nghị của chính quyền địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị P và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ chung và không cho ai vay nợ gì, chị P anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đặng Minh T.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Minh T có 01 con chung là Đặng Ngọc M, sinh ngày 08/12/2013. Ly hôn, giao con Đặng Ngọc M cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị P không yêu cầu anh Đặng Minh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Minh T có có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay mượn tài sản của ai và không cho ai vay tài sản gì nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số xxxxxxxx ngày xx/x/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan